

Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội tính thêm 2%. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ngoài lương hưu hàng tháng, đối với người nghỉ hưu theo Nghị định số 29-CP ngày 8-5-1996 của Chính phủ còn được hưởng quyền lợi như đối với người lao động hưởng chế độ hưu trí hàng tháng nói chung quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 27 Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12-CP ngày 26-1-1995 của Chính phủ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 8-5-1996 đến hết ngày 31-12-1996. Những cán bộ dân cử nhiệm kỳ 1989 - 1994 thời giữ chức vụ dân cử, nay do nhu cầu sắp xếp tổ chức nhân sự cũng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thủ trưởng

LÊ DUY ĐỒNG

K.T. Bộ trưởng

Bộ Tài chính

Thủ trưởng

NGUYỄN SINH HÙNG

K.T. Bộ trưởng,

Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ

Phó Trưởng ban

TÔ TỬ HẠ

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ số 13-LĐTBXH/TT ngày 8-6-1996 hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp khó khăn năm 1996.

Thi hành Quyết định số 201-TTg ngày 9-4-1996 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ trợ cấp khó khăn năm 1996, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính, Ban Tổ chức Trung ương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

I. TRỢ CẤP KHÓ KHĂN HÀNG QUÝ

1. Đối tượng được trợ cấp:

- Công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp; cán bộ, công nhân viên Đảng, đoàn thể hưởng lương từ ngân sách Nhà nước (bao gồm cả người hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế hưởng lương và các chế độ như công chức, viên chức);

- Người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước trong lực lượng vũ trang;

- Người đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động.

2. Điều kiện hưởng trợ cấp:

Các đối tượng nêu tại điểm 1 nói trên nếu mức thu nhập bình quân đầu người trong gia đình thấp hơn 120.000 đ/tháng hoặc mức lương, thu nhập tuy không thấp nhưng đời sống quá khó khăn do đông người ăn theo, con còn đi học thì được xét trợ cấp.

Mức thu nhập bình quân trong gia đình được tính như sau:

$$\text{Mức thu nhập bình quân đầu người} = \frac{\text{Tổng tiền lương, trợ cấp và các khoản thu nhập thường xuyên khác (nếu có) của từng người trong gia đình}}{\text{Tổng số người trong gia đình}}$$

Tổng số người trong gia đình gồm người hưởng lương, trợ cấp và số người phải trực tiếp nuôi dưỡng sống bằng tổng nguồn thu nhập trong gia đình.

3. Mức hưởng và cách xét trợ cấp:

a) Đối tượng quy định tại điểm 1, mục I nói trên nếu được trợ cấp khó khăn hàng quý thì mức trợ cấp là 100.000 đ/quý.

b) Cách xét trợ cấp:

151236

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Trợ cấp được xét mỗi quý một lần, người có đủ điều kiện hưởng trợ cấp theo quy định tại điểm 2, mục I nói trên phải làm đơn đề nghị được trợ cấp khó khăn hàng quý.

- Đối với người đang công tác:

Căn cứ vào nguồn kinh phí được phân bổ cho đơn vị và đơn đề nghị trợ cấp của công chức, viên chức, Thủ trưởng đơn vị phối hợp với tổ chức công đoàn cùng cấp xem xét và ra quyết định số người được trợ cấp. Sau đó tổng hợp gửi cơ quan quản lý cấp trên.

- Đối với người đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động:

Đơn đề nghị trợ cấp của cá nhân được gửi cho Ủy ban Nhân dân phường, xã, thị trấn nơi sinh hoạt tổ hưu trí và lĩnh trợ cấp xem xét lập danh sách đề nghị gửi Ủy ban Nhân dân cấp huyện. Ủy ban Nhân dân huyện căn cứ vào nguồn kinh phí được phân bổ xem xét và ra quyết định trợ cấp cho các đối tượng. Sau đó tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh.

Hàng quý, các Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh tổng hợp các đối tượng được trợ cấp khó khăn hàng quý báo cáo liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ - Bộ Tài chính.

II. TRỢ CẤP KHÓ KHĂN ĐỘT XUẤT

1. Đối tượng được trợ cấp:

Là những người gặp khó khăn đột xuất như bản thân hoặc bố, mẹ (cả bên vợ hoặc chồng); vợ (hoặc chồng); con bị ốm đau nặng, chi phí thuốc men tốn kém, hoặc bị chết, bị tai nạn, thiên tai rui ro... cần được trợ cấp khó khăn đột xuất, bao gồm:

a) Công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp; cán bộ, công nhân viên Đảng, đoàn thể hưởng lương từ ngân sách;

b) Người hưởng lương từ ngân sách trong lực lượng vũ trang;

c) Người đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tuất công nhân, viên chức và quân nhân tử trận, công nhân cao su;

d) Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

Các đối tượng trên bao gồm cả những người được trợ cấp khó khăn hàng quý.

2. Mức trợ cấp:

Tùy mức độ khó khăn của từng trường hợp được xét trợ cấp theo 3 mức: 300.000 đồng; 400.000 đồng; 500.000 đồng/lần/người. Trường hợp đặc biệt không quá 2 lần/năm.

3. Cách xét trợ cấp:

Người có đủ điều kiện hưởng trợ cấp theo quy định tại điểm 1 mục II nói trên phải làm đơn đề nghị được trợ cấp khó khăn đột xuất.

- Đối với người đang công tác:

Căn cứ vào nguồn kinh phí được phân bổ cho đơn vị và đơn đề nghị trợ cấp của công chức, viên chức, Thủ trưởng đơn vị phối hợp với tổ chức công đoàn cùng cấp xem xét và ra quyết định số người được trợ cấp. Sau đó tổng hợp gửi cơ quan quản lý cấp trên.

- Đối với người đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động:

Đơn đề nghị trợ cấp của cá nhân được gửi cho Ủy ban Nhân dân phường, xã, thị trấn nơi sinh hoạt tổ hưu trí và lĩnh trợ cấp xem xét lập danh sách đề nghị gửi Ủy ban Nhân dân cấp huyện. Ủy ban Nhân dân huyện căn cứ vào nguồn kinh phí được phân bổ xem xét và ra quyết định trợ cấp cho các đối tượng. Sau đó tổng hợp báo cáo Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh.

Hàng quý, các Bộ, ngành, đoàn thể ở Trung ương, Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh tổng hợp số đối tượng được trợ cấp khó khăn đột xuất báo cáo liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ - Bộ Tài chính.

4. Đối với một số doanh nghiệp nhà nước:

Doanh nghiệp nhà nước có khó khăn đặc biệt do thiếu việc làm, mức thu nhập bình quân của công nhân, viên chức dưới 120.000 đồng/tháng, thì Bộ, ngành, địa phương quản lý phối hợp với tổ chức công đoàn đề nghị liên Bộ và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để xem xét và hỗ trợ kinh phí, thực hiện chế độ trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động.

III. TRỢ CẤP THÊM ĐỐI VỚI THƯƠNG BINH, BỆNH BINH NẶNG

Đối với thương binh, bệnh binh mất sức từ 81% trở lên có thương tật, bệnh tật đặc biệt nặng như cut 2 chỉ trở lên, mù tuyệt đối hai mắt, tâm

thần nặng, không tự chủ đời sống sinh hoạt, liệt 2 chi trở lên do vết thương tủy sống, bộ não phải thương xuyên dùng xe lăn, xe lắc để di chuyển hoặc có tình trạng thương tật đặc biệt khác hàng tháng được trợ cấp thêm 20.000 đồng/người.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố; các khu điều dưỡng thương binh trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lập danh sách thương binh, bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên có vết thương, bệnh tật đặc biệt nặng do địa phương, khu điều dưỡng quản lý gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong tháng 6 năm 1996 để Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, Bộ Tài chính cấp kinh phí cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố để chi trả cho đối tượng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để chế độ trợ cấp khó khăn năm 1996 bảo đảm được các yêu cầu theo quy định của Nhà nước, việc tổ chức thực hiện được quy định như sau:

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam căn cứ vào mức độ khó khăn và số đối tượng, phân bổ kinh phí trợ cấp khó khăn hàng quý; kinh phí trợ cấp khó khăn đột xuất cho các Bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể ở Trung ương và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ vào mức phân bổ kinh phí của liên Bộ, Bộ Tài chính cấp phát hàng quý cho các Bộ, cơ quan, Ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương bằng hạn mức kinh phí và cấp cho Ủy ban Nhân dân

tỉnh, thành phố bằng kinh phí ủy quyền qua Sở Tài chính - Vật giá.

2. Căn cứ vào nguồn kinh phí được phân bổ, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, Ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định phân bổ kinh phí trợ cấp khó khăn hàng quý, đột xuất cho các đơn vị trực thuộc (kể cả cơ quan Đảng, đoàn thể ở địa phương).

Việc thực hiện trợ cấp phải đảm bảo đúng đối tượng, không chia bình quân và không được vượt quá tổng kinh phí được phân bổ. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm bồi hoàn số tiền trợ cấp khó khăn thực hiện sai quy định của Nhà nước.

3. Việc quyết toán kinh phí trợ cấp khó khăn năm 1996 đối với các Bộ, cơ quan, Ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 1996 đến ngày 31 tháng 12 năm 1996.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc cần phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu giải quyết. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng các Bộ, ngành có liên quan sẽ tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ này.

Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
TRẦN ĐÌNH HOAN